

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CÁC LĨNH VỰC HỘ TỊCH, NUÔI CON NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (47 TTHC)

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ (02 TTHC)						
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (02 TTHC)						
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh (2.000635)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ	- 8.000 đồng/ bản sao Trích lục/ sự kiện hộ tịch đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	Sửa đổi, bổ sung: tên thủ tục hành chính, căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		ngày làm việc tiếp theo.		bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐCP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;</i> 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị</p>	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng</p>	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
2	Xác nhận thông tin hộ tịch (2.002516)	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Người có yêu cầu đăng ký xác nhận thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- 8.000 đồng/ Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; <i>- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính</i>	Sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p><i>phủ;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)						
I	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (04 TTHC)						
1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng (1.003976)	<ul style="list-style-type: none"> - 205 ngày (trường hợp công an xác minh được cha mẹ đẻ và liên hệ được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi) - 265 ngày (trường hợp công an xác minh được cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi: Cơ sở nuôi dưỡng lập, chuyển Sở Y tế cho ý kiến đề cơ sở nuôi dưỡng gửi Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ trẻ em. - Hồ sơ của người nhận con nuôi: Người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho Cục Hành chính tư pháp thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí 9.000.000đ/ trường hợp - Chi phí: 50.000.000đ/ trường hợp Miễn nộp chi phí đối với trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm 	Sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý; thời hạn giải quyết; cơ quan phối hợp.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>hệ được . Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi).</p> <p>- 295 ngày (trường hợp công an xác minh được cha mẹ đẻ và liên hệ được. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước). Thực hiện giới thiệu lại.</p> <p>- 355 ngày (trường hợp</p>				<p>quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;</p> <p>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;</i></p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và</p>	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>công an xác minh được cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước). Thực hiện giới thiệu lại.</p>				<p>phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>ngày 7/9/2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi.</p>	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi (1.004878)	125 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Bộ Tư pháp	Người nhận con nuôi nộp hồ sơ cho <i>Cục Hành chính tư pháp (Sở Tư thực hiện các bước tiếp theo sau khi nhận được hồ sơ từ Cục Hành chính tư pháp gửi đến).</i>	Người nhận con nuôi trực tiếp nộp hồ sơ hoặc ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua bưu chính công ích.	- Lệ phí 4.500.000đ/ trường hợp - Chi phí: Không quy định	- Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/ 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý; thời hạn giải quyết.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7/9/2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp; - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. 	
3	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	50 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Trực tiếp	Lệ phí: 4.500.000đ/ trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý; thời hạn thực hiện; cách thức thực hiện.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.003160)					<p>ngày 08/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
4	Cấp giấy xác	15 ngày kể	- Trung tâm	Nộp hồ sơ và	Không	- Luật Nuôi con nuôi 2010;	Sửa đổi, bổ

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi (1.003198)	từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp cần xác minh không quá 30 ngày	Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	nhận kết quả. - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP 	sung: trình tự thực hiện, căn cứ pháp lý; thành phần hồ sơ

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (41 TTHC)						
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (37 TTHC)						
1	Đăng ký khai sinh (1.001193)	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng;</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành</p>	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP</p>	Sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	chính công cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000đ. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí đối với 	<ul style="list-style-type: none"> ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc Sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành thuộc lĩnh vực Tư pháp	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng, Quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. 	
2	<p>Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000528)</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính 	<p>Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				toàn trình.	<p>nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<p>phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
3	Đăng ký lại khai sinh (1.004884)	03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công 	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh nộp hồ sơ:	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP 	hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh : từ 25 ngày xuống 10 ngày.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<p>ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
4	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000522)	03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh: từ 25 ngày xuống 20 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>công trực tuyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 	<p>Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					14/11/2016 của Bộ Tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con (1.001022)	02 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. <p>(một bên có thể nộp hồ sơ mà</p>	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại)	Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	phủ; - Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	Trường hợp phải có văn bản xác minh: từ 08 ngày xuống 06 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
6	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (2.000779)	10 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công 	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện nộp hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công 	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp <ul style="list-style-type: none"> - 1.500.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			cấp xã	<p>ích;</p> <p>- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p> <p>(một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p>	<p>đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- 0 đ</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người</p>	<p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i></p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng</p>	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					khuyết tật	Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
7	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con (1.000689)	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã 	<p>Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. <p>(một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại)</p>	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 23.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí cho người 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
8	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (1.001695)	10 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã 	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua hệ thống bưu chính công ích. - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. <p>(một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p>	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1.575.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí cho người 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
9	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.004772)	03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã 	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh: từ 25 ngày xuống 10 ngày.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					trực tuyến: - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
10	<p>Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (1.000893)</p>	<p>03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã 	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp phải có

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				toàn trình.	<p>thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- 0 đ</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>- Phí cấp bản sao Giấy</p>	<p>phủ;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p>	văn bản xác minh: từ 25 ngày xuống 20 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
11	Đăng ký kết hôn (1.000894)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công 	Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công 	- Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>	<p>cấp xã.</p>	<p>ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
12	Đăng ký kết hôn	05 ngày làm	- Trung tâm	Người có yêu	Trường hợp	- Luật Hôn nhân và gia đình năm	Sửa đổi, bổ

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	có yếu tố nước ngoài (2.000806)	việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	cầu đăng ký trực tiếp thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).	nộp hồ sơ trực tiếp: - 1.500.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia	2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; <i>- Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng	sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;</p>	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
13	Đăng ký lại kết hôn (1.004746)	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> - 30.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Trường hợp nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh: từ 25

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				còn lại).	qua dịch vụ công trực tuyên: - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	phủ; - Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	ngày xuống 15 ngày.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (2.000513)	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 20 ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công 	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1.500.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			cấp xã.	<p>ích;</p> <p>- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.</p> <p>(bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại)</p>	<p>đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- 0 đ</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người</p>	<p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i></p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p>	<p>hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh: từ 25 ngày xuống 20 ngày làm việc.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
15	Đăng ký khai tử	Ngay trong	- Trung tâm	Người có yêu	Trường hợp	- Luật Hộ tịch năm 2014;	Sửa đổi, bổ

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.000656)	ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: - 8.000đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Trường hợp nộp qua dịch vụ	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP	sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>công trực tuyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<p>ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ- HĐND ngày 11/12/2025 của Hội 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p>	
16	<p>Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (1.001766)</p>	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng;</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <p>- Trực tiếp;</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p>	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>- 75.000đ</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<p><i>phủ;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
17	Đăng ký lại khai tử (1.005461)	03 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 07 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>ích;</p> <p>- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p>	<p>đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- 0 đ</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người</p>	<p>ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i></p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP</p>	<p>việc xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh: từ 10 ngày xuống 07 ngày làm việc.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					khuyết tật.	<p>ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
18	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước	03 ngày làm việc; trường	- Trung tâm Phục vụ	Người có yêu cầu đăng ký	Trường hợp nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP 	- Sửa đổi, bổ sung căn cứ

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ngoài (2.000497)	hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 06 ngày làm việc.	hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: - 75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: - 0 đ	ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; <i>- Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP	pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày xuống 03 ngày làm việc. Trường hợp phải xác minh: từ 10 ngày xuống 06 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p> <p>- Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</p>	
19	Đăng ký giám hộ (1.004837)	02 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ –</i> 	<p>Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 ngày xuống 02 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p><i>ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
20	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (1.001669)	03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 02 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: - 75.000đ - Miễn lệ phí	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;	- Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>bưu chính công ích;</p> <p>- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p>	<p>cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- 0 đ</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo;</p>	<p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i></p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p>	<p>ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc đối với đăng ký giám hộ cũ; từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc đối với đăng ký giám hộ đương nhiên.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
21	Đăng ký chám	01 ngày làm	- Trung tâm	Người có yêu	Miễn lệ phí.	- Bộ luật Dân sự năm 2015;	- Sửa đổi, bổ

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	dứt giám hộ (1.004845)	việc	Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng 	<p>sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 02 ngày xuống 01 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.- Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
22	<p>Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (2.000756)</p>	01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 02 ngày xuống còn 01 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					khuyết tật. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	phủ; - Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
23	Đăng ký giám sát việc giám hộ (3.000323)	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công 	Người có yêu cầu đăng ký giám sát việc giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp	Chưa có quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.	cấp xã.	hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình, trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<a href="https://dichvuco
ng.gov.vn">https://dichvuco ng.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (<a href="https://dichvuco
ng.caobang.gov.
vn">https://dichvuco ng.caobang.gov. vn)		ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	
24	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (3.000322)	03 ngày làm việc, trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp;	Chưa có quy định	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		từ ngày tiếp nhận hồ sơ.		<ul style="list-style-type: none"> - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình 		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 	
25	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (1.004859)	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>làm việc.</p> <p>- Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>		<p>ích;</p> <p>- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p>	<p>đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- 0 đ</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người</p>	<p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i></p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p>	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
26	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nước ngoài (2.000748)	tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.	Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	chính công ích: - 28.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia	ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
27	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.002189)	05 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Người có yêu cầu ghi chú trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; 	<p>Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>công trực tuyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
28	<p>Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.000554)</p>	<p>05 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Người có yêu cầu ghi chú trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75.000đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; 	<p>Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- 0 đ</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<p>- Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng</p>	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
29	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ,	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Người có yêu cầu ghi chú trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: - 75.000đ - Miễn lệ phí	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (2.000547)	quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.		bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: - 0 đ - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo;	ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					người khuyết tật.	<p>ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i> - <i>Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.</i> 	
30	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc.	Tại địa điểm đăng ký khai	Công chức tư pháp - hộ tịch	Trường hợp nộp hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.003583)		sinh lưu động	<p>cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai sinh lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động.</p> <p>- Trực tiếp tại địa điểm lưu động.</p>	<p>trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>- 8.000đ.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực</p>	<p>ngày 15/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</i></p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p>	<p>pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tuyên: - 0 đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật	- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ- HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ- HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
31	Đăng ký kết hôn lưu động (1.000593)	05 ngày làm việc	Tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động	Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các loại mẫu Tờ	Miễn lệ phí	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>khai, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động.</p> <p>- Trực tiếp tại địa điểm lưu động.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
32	Đăng ký khai tử lưu động (1.000419)	05 ngày làm việc.	Tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động	Công chức tư pháp - hộ tịch được giao nhiệm vụ đăng ký khai tử lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai tử, giấy tờ hộ tịch và điều	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: - 8.000đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động. - Trực tiếp tại địa điểm lưu động.	đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Trường hợp nộp qua dịch vụ công trực tuyến: - 0 đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có	CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ- HĐND ngày 09/12/2022 của Hội	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ- HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ- HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
33	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000110)	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: - 8.000đ. - Miễn lệ phí đổi với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- CP ngày 15/11/2025 của Chính	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0 đ - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người 	<p>phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tur pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
34	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000094)	02 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công 	<p>Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến 	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung: căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			cấp xã.	một phần. (bên nam hoặc bên nữ có thể nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại).		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP 	hạn giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh: từ 08 ngày xuống 06 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính.- Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;- Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.- Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
35	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.000080)	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 09 ngày làm việc.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Người có yêu cầu đăng ký thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. (một bên có thể nộp hồ sơ mà không phải có văn bản ủy quyền của bên còn lại).	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: - 15.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: - 0 đ	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP	- Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh: từ 12 ngày xuống 09 ngày làm việc.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
36	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (1.004827)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	Người có yêu cầu đăng ký trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ 	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: <ul style="list-style-type: none"> - 8.000đ. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn, người 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		công trực tuyến toàn trình.	<p>thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- 0 đ</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người</p>	<p>ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p>	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. 	
37	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	02 ngày làm việc; trường hợp phải xác	- Trung tâm Phục vụ hành chính	Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; 	- Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý,

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.004873)	minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	trạng hôn nhân trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: - 15.000đ. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến: - 0 đ - Miễn lệ phí	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ- CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; <i>- Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	thành phần hồ sơ, phí, lệ phí. - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc;

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Nghị quyết số 91/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	
II							
LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (04 TTHC)							
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (2.001263)	42 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	<p>Nộp hồ sơ và nhận kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu lệ phí: 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ; 	Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện, căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Thông tư số 10/2020/TB-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ; - Thông tư số 267/2016/TT-BTP ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi (1.003005)	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Người có yêu cầu nộp hồ sơ trực tiếp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em thường trú.	4.500.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật nuôi con nuôi năm 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2020/TB-BTP 	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý; thời hạn thực hiện.

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTP ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
3	<p>Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (2.002349)</p>	<p>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng;</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	<p>Người nhận con nuôi nộp hồ sơ và nhận kết quả:</p> <p>- Trực tiếp;</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật nuôi con nuôi năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ</p> <p>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung: trình tự thực hiện, căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TB-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTP ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>	
4	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con	- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính	Người có yêu cầu ghi vào Sổ đăng ký nuôi	Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp	<p>- Luật Hộ tịch 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của</p>	Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý,

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.002363)	<p>Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>	<p>công tỉnh Cao Bằng;</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.</p>	<p>con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện nộp hồ sơ:</p> <p>- Trực tiếp;</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p>	<p>hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích:</p> <p>- 75.000đ;</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến:</p> <p>- 0 đ;</p> <p>- Miễn lệ phí</p>	<p>Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ – ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i></p>	<p>thành phần hồ sơ, phí, lệ phí.</p>

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Nghị quyết số 91/20122NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng; - Nghị quyết số 28/2025/NQ- 	

ST T	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng. - Nghị quyết số 31/2025/NQ- HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.	

Tổng số TTHC sửa đổi bổ sung	47 TTHC
Trong đó:	
Số TTHC áp dụng chung	02 TTHC
Số TTHC cấp tỉnh	04 TTHC
Số TTHC cấp xã	41 TTHC
Số TTHC thực hiện qua DVC trực tuyến toàn trình:	31 TTHC
Số TTHC thực hiện qua DVC trực tuyến một phần:	09 TTHC
Số TTHC thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích:	41 TTHC
Số TTHC thực hiện trực tiếp:	47 TTHC